



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý cây xanh
đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 56/TTr-SXD ngày 12/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . 76/L

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế (Bộ Xây dựng);
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3;
- Chánh VP, các PCVP. UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo VP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTTH, NC, TH;
- Lưu: VT, KTKT. 82 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đông Văn Lâm

QUY ĐỊNH

Về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2015/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, bao gồm: Quy hoạch, trồng, chăm sóc, bảo vệ, chặt hạ và dịch chuyển cây xanh đô thị; phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có các hoạt động liên quan đến việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) phải tuân theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ, khái niệm được hiểu như sau:

1. Cây xanh đô thị là cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng trong đô thị.

2. Cây xanh sử dụng công cộng đô thị là các loại cây xanh được trồng trên đường phố (gồm cây bóng mát, cây trang trí, dây leo, cây mọc tự nhiên, thảm cỏ trồng trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông); cây xanh trong công viên, vườn hoa; cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường và các khu vực công cộng khác trong đô thị.

3. Cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị là cây xanh được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng.

4. Cây xanh chuyên dụng trong đô thị là các loại cây trong vườn ươm hoặc phục vụ nghiên cứu.

5. Cây cổ thụ là cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc mọc tự nhiên, có độ tuổi tối thiểu 50 năm hoặc cây có đường kính từ 50 cm trở lên tại chiều cao 1,3 m của cây.

6. Cây được bảo tồn là cây cổ thụ, cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm, cây được liệt kê trong sách đỏ thực vật Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hoá.

7. Cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng là những cây có độc tố gây nguy hiểm cho con người.

8. Cây xanh thuộc danh mục cây trồng hạn chế là những cây ăn quả, cây tạo ra mùi gây ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường.

9. Cây nguy hiểm là cây đã đến tuổi già cỗi, cây hoặc một phần của cây dễ gãy đổ gây tai nạn cho người, làm hư hỏng các phương tiện và công trình, cây bị sâu bệnh có nguy cơ gây bệnh trên diện rộng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, phát triển cây xanh đô thị

1. Việc đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm mục đích phục vụ lợi ích công cộng.

2. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, quản lý cây xanh đô thị.

3. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn kỹ thuật đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

4. Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải đảm bảo quỹ đất cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Đồng thời, chủ đầu tư dự án khu đô thị mới phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

5. Khi xây dựng đường đô thị mới phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc tiến hành hạ ngầm các đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển và trồng mới cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết để giám sát thực hiện.

Điều 4. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm trong phạm vi quản lý gửi Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm bao gồm: Trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị; xây

dựng mới, cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp các công trình xây dựng thuộc khu vực cây xanh sử dụng công cộng đô thị.

4. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện theo kế hoạch phải được bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của tỉnh.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Mục 1 QUY HOẠCH CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 7. Quy hoạch cây xanh đô thị

1. Yêu cầu và nội dung quy hoạch cây xanh thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP. Khuyến khích quy hoạch và thực hiện trồng cây bản địa, trồng các dãy cây xanh đặc trưng cho từng tuyến đường.

2. Trên cơ sở quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khuyến khích các đô thị từ loại IV trở lên lập quy hoạch chi tiết cây xanh đô thị để làm cơ sở quản lý và lập dự án đầu tư.

Mục 2 TRỒNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 8. Đối với cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị

Việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Điều 11, Điều 13, Điều 15 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP và các quy định cụ thể sau:

1. Các loại cây bóng mát trong đô thị:

a) Loại 1 (cây tiểu mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành nhỏ hơn 10 m;

b) Loại 2 (cây trung mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành từ 10 m đến nhỏ hơn 15 m ;

c) Loại 3 (cây đại mộc): Là những cây có chiều cao trưởng thành lớn hơn 15 m.

2. Cây xanh trồng trên đường phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 2 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 4 cm trở lên;

b) Đối với cây trung mộc và đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5 cm trở lên;

c) Tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

d) Cây không thuộc danh mục cây cấm trồng.

đ) Trồng cây đúng chủng loại quy định, đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc. Cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

e) Cây xanh trồng trên đường phố phải được lắp đặt bó vỉa bảo vệ gốc cây.

3. Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5 m trồng các cây loại 2 hoặc loại 3 theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

4. Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3 m đến 5 m trồng các cây loại 1 hoặc loại 2 theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

5. Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3 m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thừa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

6. Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định như sau: Cây loại 1 từ 4 m đến 8 m; cây loại 2 từ 8 m đến 12 m; cây loại 3 từ 12 m đến 15 m; hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường. Trồng cây ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân đối với những nơi có chiều rộng hè phố dưới 5 m.

7. Khoảng cách tối thiểu tính từ mép lề đường đến tim hàng cây: Cây loại 1 là 0,6 m; cây loại 2 là 0,8 m; cây loại 3 là 1,0 m.

8. Cây xanh và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến đường. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường có chiều dài dưới 2 km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường có chiều dài từ 2 km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

9. Đối với các dải phân cách có chiều rộng dưới 2 m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có chiều rộng từ 2 m trở lên có thể trồng các loại cây thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu giải phân cách, đoạn qua lại giữa hai giải phân cách khoảng 3 m - 5 m để đảm bảo an toàn giao thông.

10. Cây xanh được trồng cách các góc vạt hè phố từ 5 m - 8 m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

11. Cây xanh được trồng cách các họng cứu hỏa trên đường từ 2 m - 3 m; cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga từ 1 m - 2 m.

12. Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm) từ 1 m - 2 m.

13. Cây xanh trồng phải được đánh số thứ tự và lập hồ sơ quản lý cho từng cây.

14. Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

15. Ô đất trồng cây xanh đường phố:

a) Kích thước và loại hình ô đất trồng cây được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng một tuyến đường, từng cung hay đoạn đường.

b) Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố hoặc khu vực sở hữu công cộng (có vỉa hè) phải được xây bó vỉa nhằm giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây và tạo hình thức trang trí.

c) Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải cây xanh để tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị.

Điều 9. Đối với cây xanh sử dụng hạn chế, cây được bảo tồn trong đô thị

1. Việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

2. Việc chăm sóc, bảo vệ cây được bảo tồn trong đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 10. Đối với cây nguy hiểm trong đô thị

1. Cây nguy hiểm phải được xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình, trên cơ sở đó có biện pháp khắc phục hoặc lập kế hoạch chặt hạ, di dời cây. Đối với các cây xanh đã đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn, mục đích sử dụng phải lập kế hoạch từng bước chặt hạ thay thế dần. Cây thay thế, trồng mới phải nằm trong danh mục cây được trồng, có hình dáng, đường kính, chiều cao phù hợp với cảnh quan.

2. Giảm sự nguy hiểm và bảo tồn cây xanh đô thị:

a) Tránh trồng những cây rễ nổi dễ đổ và những cây ăn quả, cây có gai nhọn, có chất độc, cây có tán lớn nằm sát nhà dân và những cây giòn dễ gãy trên đường phố làm mất an toàn cho người, phương tiện và công trình;

b) Sử dụng đúng biện pháp cắt tỉa;

c) Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên phát hiện cây nguy hiểm để có biện pháp xử lý kịp thời. Hạn chế những rủi ro của cây nguy hiểm bằng cách loại bỏ cành chết, gãy.

Điều 11. Bảo vệ cây xanh trong quá trình xây dựng

1. Khi thi công các công trình ngầm và trên đất, đơn vị thi công có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cây xanh đã có trong và xung quanh khu vực công trường. Không được làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây.

2. Cây xanh giữ lại trong công trường xây dựng phải được bảo vệ bằng hàng rào tạm.

3. Phạm vi an toàn bảo vệ cây và rễ cây được xác định tối thiểu như sau: Bán kính vùng an toàn bảo vệ cây bằng 10 lần đường kính tại chiều cao tiêu chuẩn.

Điều 12. Bảo quản, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà đất của tổ chức và cá nhân

1. Tổ chức và cá nhân được quyền lựa chọn giống cây trồng, được thụ hưởng toàn bộ nguồn lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo quản, chăm sóc cây xanh, hoa, cỏ, kiểng, dây leo trồng trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của tổ chức và cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; không vi phạm những hành vi bị cấm được quy định tại Điều 6 Quy định này;

b) Cây trồng có độ cao khi trưởng thành không quá 15 m;

c) Khoảng cách an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành và bảo đảm cây xanh không gây hư hại đến các công trình lân cận do tổ chức, cá nhân khác quản lý.

Điều 13. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị

1. Thống kê về số lượng, chất lượng, đánh số cây, lập hồ sơ cho từng tuyến đường, khu vực công cộng.

2. Đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn ngoài việc thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, cần phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

3. Xác định cây nguy hiểm để lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển và có kế hoạch thay thế kịp thời.

Điều 14. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh

1. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh phải có đủ năng lực, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cây xanh đô thị, có trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ được giao theo quy định.

2. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh trên địa bàn do mình quản lý.

Mục 3

CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 15. Điều kiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; các trường hợp phải có giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

Điều 16. Chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trong quá trình xây dựng

1. Đối với trường hợp công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng: Chủ đầu tư công trình chỉ được chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị sau khi đã được cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với trường hợp công trình xây dựng phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng: Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng công trình phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trước khi cấp Giấy phép xây dựng.

Điều 17. Thẩm quyền cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trong phạm vi được giao quản lý.

2. Riêng đối với trường hợp cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc danh mục cây bảo tồn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển.

Điều 18. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị tại bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị hoặc trả lời bằng văn bản đối với trường hợp không cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị: 01 bản chính;

- Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển: 01 bản chính;

- Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm × 15cm): 01 bản chính.

b) Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ gửi cơ quan cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh: 01 (một) bộ.

3. Thời hạn giải quyết:

a) Thời gian giải quyết cho việc cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Riêng đối với trường hợp cây xanh thuộc danh mục cây bảo tồn, thời hạn giải quyết cho việc cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tối đa 15

không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời gian có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không quá 05 ngày làm việc).

4. Đối tượng thực hiện thủ tục: Tổ chức, cá nhân.

5. Cơ quan giải quyết thủ tục: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Kết quả thực hiện thủ tục: Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

7. Phí: Thực hiện theo quy định.

8. Mẫu Đơn đề nghị, mẫu Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép và mẫu Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

9. Điều kiện được xem xét cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị:

Cây xanh đô thị được xem xét cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển gồm những trường hợp sau:

a) Cây đã chết, đã bị đổ gãy hoặc có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm;

b) Cây xanh bị bệnh hoặc đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn;

c) Cây xanh trong các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng;

d) Cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

Điều 19. Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Thời hạn để thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thì Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị không còn hiệu lực.

3. Đối với cây xanh phục vụ các công trình, dự án thì việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của dự án.

4. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải đảm bảo kỹ thuật an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân.

5. Trước khi triển khai việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, đơn vị thực hiện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cây xanh biết trước ít nhất 02 ngày làm việc.

6. Trường hợp tự ý chặt hạ, dịch chuyển cây xanh không có giấy phép theo quy định, khi phát hiện Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập biên bản, ghi hình hiện trạng, xử phạt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý một số trường hợp đặc biệt đối với cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển ngay, cây xanh đô thị đã bị ngã đổ

Trường hợp đặc biệt đối với cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển ngay do tình thế khẩn cấp, thiên tai hoặc cây có nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm và cây xanh đô thị đã bị ngã đổ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp ngay với các cơ quan có liên quan tổ chức lập biên bản hiện trường, chụp ảnh hiện trạng cây xanh, thực hiện ngay việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh; chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý cây xanh đô thị.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch hàng năm, 05 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

đ) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính trong việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, cây xanh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị của địa phương.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn về trình tự, thủ tục nộp và quản lý, sử dụng các nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh công cộng có nguồn lợi thu được.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc thực hiện điểm d khoản 1 Điều 21 Quy định này.

b) Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình tuyên truyền phổ biến, giáo dục hướng dẫn người dân và cộng đồng dân cư tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh và chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này và các quy định của pháp luật liên quan về quản lý cây xanh đô thị.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức lập, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm trên địa bàn quản lý được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Tổ chức lập hồ sơ hiện trạng cây xanh đô thị trên địa bàn được giao quản lý; trên cơ sở hiện trạng cây xanh đô thị tiến hành tổ chức:

a) Lập kế hoạch chỉnh trang cây xanh đô thị, từng bước trồng thay thế những cây đã trồng không phù hợp với quy định này; phê duyệt kế hoạch chỉnh trang cây xanh đô thị sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

b) Lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây được bảo tồn và cây xanh trên đường phố có chiều cao từ 15m trở lên.

4. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển cây xanh bị sâu bệnh không có khả năng điều trị, chết, có nguy cơ đổ ngã do đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh trình.

5. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa trên địa bàn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

6. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn quản lý bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng hồ sơ được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, dịch chuyển cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

7. Không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch cây xanh đô thị.

8. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh trên địa bàn được giao quản lý theo quy định. *thd*

9. Yêu cầu đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị theo quy định.

10. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo thẩm quyền tại Điều 18 Quy định này.

11. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích cực tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị.

12. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý cây xanh trên địa bàn về Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý, bảo vệ, giữ gìn cảnh quan, vệ sinh môi trường công viên, vườn hoa, cây xanh công cộng.

2. Khi phát hiện cây nguy hiểm, cây sâu mục, cây chết và các hành vi phá hoại hoặc gây ảnh hưởng đến sự phát triển của cây xanh cần thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân các cấp hoặc đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh để kịp thời giải quyết.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh căn cứ nội dung của Quy định này tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định././.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm